

Hồ Bạch Thảo

Bằng chứng về việc vua Cà Long thay đổi chính sách, qua hai đạo sắc phong vua Lê Chiêu Thống và Quang Trung

Đôi khi, lịch sử như một tấn tuồng diễn đi diễn lại trên sân khấu, nhân vật thủ vai có thể khác, nhưng tuồng tích nhiều khi na ná như nhau. Sử là tấm gương soi cho hậu thế, nên còn được gọi là “Thông giám,”^[1] bởi vậy, lịch sử không phải là món “mua vui chỉ độ một vài trống canh.” Người yêu sử cần đào sâu suy nghĩ, ôn việc xưa để biết việc ngày nay.

Trang sử mở đầu về việc quân Thanh xâm lăng nước ta, vua Cà Long có ý định gián tiếp cai trị nước ta qua bù nhìn Lê Chiêu Thống. Ngay lúc đại quân của Tôn Sĩ Nghị trên đường đến thành Thăng-Long, Cà Long gửi cho Sĩ Nghị một chỉ dụ kèm theo sắc phong Lê Chiêu Thống làm An-Nam Quốc-vương, nguyên văn như sau:

Ngày 28 tháng 10 năm Cà Long thứ 53 [25/11/1788]

Dụ quân cơ Đại-thần: Tôn Sĩ Nghị tâu mọi việc trừ hoạch đều ổn thỏa, nhân tâm nước này còn nhớ triều xưa, Lê Duy Kỳ [Lê Chiêu Thống] đi đến đâu cũng được dân chúng ra sức bảo hộ; đại binh tới chắc sẽ có nhiều kẻ tình nguyện làm nội ứng, công việc sẽ thành công đúng hẹn không mấy khó khăn. Còn về ấn tín của Quốc-vương thì Trẫm đã từng ra chỉ dụ nếu đời con cháu nhà Lê sai Bồi-thần xin thỉnh phong mới cấp, chỉ bằng sau khi chiếm được thành nhà Lê sẽ truyền chỉ sắc phong ngay cho Lê Duy Kỳ để sớm phục quốc. Hơn nữa nếu theo lệ Thiên-sứ sang sách phong, thì phẩm hàm thấp, nay Tôn Sĩ Nghị giữ chức Tổng-đốc, mang quân thu phục thành nhà Lê, ban chỉ dụ sách phong, việc làm long trọng đủ để trấn phục nhân tâm. Chắc viên Tổng-đốc chưa nhận được chỉ dụ trước nên mới tâu trình như vậy; hiện Trẫm đã sức các nha môn tức tốc đúc ấn, sách văn, rồi cho phát vãng, viên Tổng-đốc sẽ nhận được sau đó.

Sách văn như sau: “Trẫm phủ ngự trong ngoài, yên ổn chốn xa gần. Nghĩa không gì lớn bằng dẹp loạn để trị, cứu nguy thành an; đạo không gì thịnh bằng phục hưng họ bị diệt, nối dòng bị đứt. Họ nay sớm nhận triều mệnh, đời đời được sắc phong; nay gặp lúc đất nước lâm nỗi khó khăn, con dân không trung thuận. Nên phải dẹp bọn giặc cỏ, cứu vớt kẻ ngã nghiêng; trở về với lễ nhạc quan chiêm, xứng với chức phiên bang làm phen dậu.

Người tự tôn^[2] nước An-Nam Lê Duy Kỳ, được tắm gội phong hóa, nối dõi kế thừa. Ngày nội tổ^[3] người trút hơi thở cuối cùng, cũng chính là lúc giặc Nguyễn^[4] gây loạn, rồi mỗi họa phát tự trong cung, khiến mất cả phù ấn. Thân cô trốn tránh, rời nhà lưu ly, bỏ cả cố đô, nương nhờ thương quốc. Nghĩ đến trăm năm mươi năm triều cống^[5], niệm tổ tông người với dư đồ mười ba đạo^[6], nhưng Thiên triều không mong lợi về đất đai. Dùng chính sách “nhu viễn”^[7] không thích bành trướng bên ngoài; dẹp yên giặc nhưng không muốn đóng lâu, thể theo lời cảnh tỉnh. Nhằm giúp các người yên cửa nhà, họ hàng đoàn tụ, cùng khuyến khích thần dân diệt kẻ thù chung. Đặc sai viên đại thần lại thân chinh, cầm vương sư tiến tiểu, mới nghe danh giặc đã khiếp vía, tên đầu sỏ bỏn đảo; nội nạn được yên, dân tình thêm qui phục. Thoát khỏi cảnh lưu ly khổ khó, là nhờ ơn cốt nhục tử sinh, cựu lệ nếp xưa, vận hội mới càng thêm rực rỡ. Nay phong người chức An-Nam Quốc-vương, ban cho ấn mới.

Vương hãy thận trọng tu sửa kỷ cương, thừa phụng uy linh, tập hợp nhân dân, giữ gìn cương vực. Chớ hoang chơi mà bỏ việc, đừng cầu an để bại danh; đội ơn Thiên triều lòng nhân tái tạo, càng tăng phúc cho vận nước trùng hưng. Khâm thủ, Trẫm mệnh vĩnh viễn không thay thế!”^[8]

Sau khi quân của Tôn Sĩ Nghị chiếm được thành Thăng-Long vào ngày 20 tháng 11 năm Cà Long thứ 53 [17/12/1788], thì ngay ngày hôm sau sắc phong cho Lê Chiêu Thống tại điện Kính-Thiên. Việc làm quá đột ngột khiến Lê Chiêu Thống phải khóc mà thưa rằng “Lăng tẩm còn sa vào phạm vi của giặc, chính mình chưa được đến tận nơi để bái yết, vậy xin hãy tạm hoãn lại ít lâu.”^[9] Nhưng lệnh của Thiên-tử Trung-Quốc là “ý trời”, nên Tôn Sĩ Nghị vẫn cho tiếp tục làm lễ.

Rồi thời cuộc biến chuyển đột ngột như mang hia vạn dặm: hơn một tháng sau, vua Quang Trung đại phá quân Thanh, Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy, lại chặt đứt cầu phao bắc qua sông Hồng để thoát thân, khiến các Đê Trấn quan chức lớn bị giết sạch. Thực tại giúp vua Càn Long thấy được bài học lịch sử là quân xâm lăng Tàu không thể sống yên ổn tại nước ta, nên chỉ 20 ngày sau đó [20/2/1789] ra chỉ dụ quyết định bỏ cuộc, với lời lẽ huyênh hoang như sau:

"Nguyễn Huệ chỉ là tên Đâu-mục nước An-Nam, so sánh hiện nay đất nước ta toàn thịnh, nếu tập trung nhiều binh lực bốn bề hội tiểu, thì việc phá sào huyệt của nó cũng không khó. Nhưng nước này có nhiều lam chướng, cũng như Miến-Điện vậy; lấy được đất này không đủ để giữ, lấy được dân này không đủ để làm tôi, hà tất lại dùng binh lực và tiền lương tiêu phí vào chốn nóng nực vô dụng này! Vậy việc đánh bọn Nguyễn Huệ lúc này không phải là không làm được, nhưng xét về các mặt thiên thời, địa lợi, nhân sự đều không đáng ra tay."^[10]

Tuy nhiên, Càn Long là ông vua ham danh, từng soạn sách *Thập toàn võ công ký* để khoe tài, không lẽ chịu nhục thua trận tại Việt-Nam! Nhân nhà Tây Sơn cho sứ-giả đến quan ải xin giao hảo, Càn Long thừa cơ hội ra lệnh cho Tổng-đốc Lưỡng Quảng Phúc Khang An trước khi viên này đến nhiệm sở, rằng phải thu xếp việc An-Nam để khỏi gây ra chiến tranh, người được cử làm môi giới là viên Tả-Giang đạo Thang Hùng Nghiệp. Rồi cũng theo thông lệ lịch sử sau khi chiến thắng Trung-Quốc, hai bên trở lại giao hảo, ta thường nhường cho Trung-Quốc phần "danh", để chiếm cái "thực". Lần này về "danh" ta xin cầu phong, làm đền thờ các Đê, Trấn nhà Thanh bị giết, phái đoàn Quang Trung giả sang Tàu dự lễ mừng thọ để quảng cáo cho vua Càn Long; về "thực," nhà Thanh tôn trọng quyền độc lập nước ta, bắt Lê Chiêu Thống và đám tùy tùng phải cạo đầu dóc tóc như Mãn Thanh và bị quản chế xa biên giới khiến họ không còn ôm mộng phục quốc, và mở cửa biên giới Việt Hoa để buôn bán. Tất cả những tình tiết về lịch sử chúng tôi đã ghi lại trong công trình dịch thuật nhan đề *Cao Tông thực lục*, tại đây chỉ xin nêu lên một trường hợp, một nhân vật, để có thể hình dung tổng quát bức tranh đổi trắng thay đen.

Nhân vật này, cũng được ghi trong các sử Việt, tên là Lê Quýnh; người làng Đại-Mão, huyện Siêu-Loại [nay là thôn Đại-Mão, xã Mão-Điện, huyện Thuận-Thành, tỉnh Bắc-Ninh]. Đối với nhà Lê, Lê Quýnh có công đem Thái-hậu sang Tàu cầu cứu, rồi lặn lội trở về nước tìm Lê Chiêu Thống tại Sơn-Nam để đem đến thành Thăng-Long gặp Tôn Sĩ Nghị; sau khi thất trận, Lê Quýnh chạy sau, đến biên giới tuyên bố rằng sẽ mang ấn tín đưa sang Tàu. Được tin Lê Quýnh sẽ mang ấn tín sang, vua Càn Long rất nể trọng, qua đạo dụ ngày 12/4/1789 khen ngợi Lê Quýnh như sau:

"Lê Quýnh khốn khổ gian nan trước sau một tiết; tâm địa và việc làm khó có được người như vậy. Trẫm muốn gặp con người này, tương lai khi đã vào quan ải Phúc Khang An nên cho người đưa Lê Quýnh đến kinh đô để Trẫm lượng gia ân; và nhớ hiểu dụ Lê Quýnh hãy an tâm đến kinh đô, đừng nghi ngờ sợ sệt."

Nhưng Lê Quýnh chỉ trung với nhà Lê thôi. Khi Phúc Khang An bảo cạo đầu dóc tóc như Mãn Thanh thì Lê Quýnh đồng dạc trả lời: "Đầu tôi có thể cắt được, nhưng tóc thì không cạo," lại đòi trở về nước phục quốc. Sợ việc phục quốc làm mất lòng vua Quang Trung, nên Càn Long thẳng tay với Lê Quýnh, bắt giải giao về Bắc-Kinh, trong đạo dụ ngày 21/2/1790, Càn Long kỹ lưỡng căn dặn phải đề phòng lúc áp giải:

"...Lê Quýnh vốn tính giảo quyệt, không thể không gia tăng đề phòng. Nay lệnh cho các Tổng-đốc Tuần-phủ dọc đường giải Lê Quýnh cấp tốc về kinh, nếu để sơ hốt chậm trễ, thì sẽ gánh không hết tội lỗi! Dụ này truyền khẩn cấp cách 500 dặm!"

Thái độ của vua Càn Long như vậy, nhưng Lê Quýnh vẫn không chịu khuất, trước sau giữ gìn tiết tháo, rồi tiếp tục bị giam hàng chục năm tại nhà tù Bắc-Kinh!

Từ cách cư xử đối với một cá nhân, có thể hình dung được vua Càn Long thay đổi chính sách như lật bàn tay, để dọn đường cho việc giao hảo. Rồi sau khi có sự thỏa thuận để phái đoàn Quang Trung giả sang Tàu dự lễ mừng thọ 80 tuổi, Càn Long cho Sứ-giả Thành Lâm mang sắc phong Vương cho vua Quang Trung, nội dung như sau:

Ngày 21 tháng 6 năm Càn Long thứ 54 (12/8/1789)

Sắc dụ Nguyễn Quang Bình nước An-Nam hiểu rõ:

"Theo lời tâu của viên Hiệp Biện Đại-Học-sĩ Tổng-đốc Lương-Quảng Công-tước Phúc Khang An rằng người dâng biểu tạ ơn, trần tình lòng thành khẩn. Trẫm duyệt đọc biểu văn, lời lẽ khẩn thiết, cầu xin năm sau đến kinh khuyết làm lễ chiêm cận cùng chúc mừng thượng thọ, thấy rõ được lòng cung kính cẩn trọng. Những cống vật mang đến, được ân thưởng cho phép thu nhận để tạ ơn lòng thành cung hiến.

Lê Duy Kỳ đất An-Nam hèn yếu không có khả năng, trời đã ghét đức, nên vận nước cáo chung. Người hiền đã hối tội đầu thuận, không những cầu xin khẩn thiết hai ba lần, mà lại còn sai cháu nội Nguyễn Quang Hiến dâng biểu đến cung khuyết làm lễ chiêm cận. Nay xét theo công đạo; bèn phế một người, để cất nhắc một người. Vốn định đợi đến năm sau khi người thân hành đến chúc mừng sẽ ban thưởng tước Vương, nhưng duyệt qua lời người cầu xin rằng nước mới lập, dựa vào ân sủng ban tước phong hiệu của Thiên triều để có uy vọng chế ngự nhân tâm. Xét lời xin thực tình, nên đặc giáng ân chỉ phong người làm An-Nam Quốc-vương, theo chức năng để trấn phủ; lại tự tay viết bài thơ Ngự chế^[11] ban cho, để làm bảo vật đời đời. Từ nay trở về sau phàm những biểu văn trình lên, hoặc những văn thư trong nước đều được phép ghi danh hiệu Quốc-vương. Các ấn tín sắc thư cần thiết, hiện giao cho các nha môn soạn văn, đúc triện; đợi đến lúc cháu người đến kinh đô, sẽ giao mang về. Còn các quan lớn Đê, Trấn của Thiên triều lâm trận hy sinh, trong nước người lập miếu phụng thờ^[12], biểu thị lòng thành hối lỗi; việc xin cấp phẩm hàm thụ hiệu sẽ sắc cho các bộ sở quan cấp phát. Người nên cẩn thận kính sợ, giữ bổn phận phiên thuộc để mãi mãi hưởng ân trạch. Nay ra đặc dụ."

Sách phong Nguyễn Quang Bình làm An-Nam Quốc-vương. Sách văn như sau:

"Trẫm Vương hóa nơi xa xôi, phạt tội rồi tha cho qui phục. Người được phong tước, giữ phận thờ nước lớn do đạo kính trời. Xét lòng thành kẻ hoang dã, tha chuyện cũ, ơn mưa móc tưới nhuần thuộc quốc. Vui mừng vận hội mới, rạng rỡ thay sủng ái ban ân, gắng sức lo bề huấn học.

An-Nam tại nơi viêm nhiệt, đất đai gồm 13 đạo phong cương. Họ Lê xưng thần với Thiên triều, hơn 100 năm giữ phận triều cống. Mỗi theo Vương hóa, qui phục Vương triều. Từ khi gặp hoạn nạn lưu ly, thân cô đến tổ cáo. Bèn hưng binh phục quốc, vỗ về nước nhỏ làm sống lại dòng kế thừa. Có sao lại bỏ thành vút ấ, hèn yếu chống chọi nên thất thủ; trời bèn ghét đức, phúc tội cáo chung.

Người, Nguyễn Quang Bình, dấy lên tự Tây-Sơn, đất thuộc phương Nam. Với họ Lê không phải là thần dân, từ thông gia^[13] biến thành thù hận. Rồi binh lửa giao tranh, cố tình cậy hiểm. Liều đánh [quân Thiên triều] lúc hoảng hốt, tuy vô tâm nhưng không dẫu được lỗi lầm. Hối hận mong rửa sạch tội, thành tâm sửa đổi sai lầm. Dâng biểu kêu xin thống thiết, sứ đi về dốc một lòng thành. Cống dâng bảo vật, xin năm sau triều kiến chúc mừng. Không những nhờ ơn trên được phong tước, hiển vinh dưới ánh sân rồng; lại dựa uy danh khiến con dân hưởng ứng tụ tập. Lời trần tình đều thành thực, trưng bày rõ tấm lòng qui thuận.

Huống đấng Vương giả không kỳ thị dân, há lại câu nệ bản đồ để phân biệt. Sinh dân phải có người coi sóc, để cho yên ổn nước nhà. Nay công bố ân sủng, lấy làm bằng để trấn nhậm. Phong người làm An-Nam Quốc-vương, ban ấn mới. Y hy! một hưng, một phế^[14]; Thiên-tử thuận lòng trời mà làm. Không thiên vị, không sai lầm; cả nước hãy nghe lệnh.

Vương hãy đem hết lòng thành, nghiêm túc lo lắng, giữ vững cõi bờ, để con cháu nối dõi lâu dài. Đừng để họ khác khinh lờn, sớm tối cần lao, chớ để kẻ buông thả tham lam coi việc nước. Hãy kính phụng uy trời, vĩnh viễn chịu ân điển. Khâm tai! Trẫm mệnh không thay thế!

Bài thơ Ngự Chế như sau:

Tam phiên kỳ vũ phi giai binh,

Tạc tuế An-Nam trùng hữu chinh.
Vô nại phục Lê, Lê yếm đức,
Viên giao phong Nguyễn, Nguyễn thân thành.
Thủ phong cương vật tư tha tộc,
Truyền tử tôn hảng phụng đại Thanh.
Hạnh mộc thiên ân khâm cứu đạo,
Bất hoàng nhật giám lẫm trì doanh.

Tạm dịch

Ba lần dụng võ, chẳng ưa binh,
Năm ngoái An-Nam lại viễn chinh.
Không thể phò Lê, Lê kém đức,
Đành phong họ Nguyễn, Nguyễn thân thành.
Biên cương chớ để lớn ngoại tộc,
Con cháu đời đời phụng đại Thanh.
Tấm gọi ơn trên bền vững gốc,
Giữ gìn thành nghiệp rạng công danh ^[15]

Chú thích:

^[1]Bộ sử lớn đời Tống do cựu Thừa-tướng Tư-mã Quang soạn, có tên là *Tư trị Thông giám*.

^[2]Tự tôn: người cháu nối dòng được lên làm vua.

^[3]Nội tổ: tức ông nội, vua Lê Hiển Tông, thân phụ Ngọc Hân Công-chúa.

^[4]Nguyễn: tức Nguyễn Huệ.

^[5]Kể từ Thanh Thế Tổ Thuận trị thứ nhất (1644)

^[6]Nguyên văn ghi 116 đạo, chắc chép sai. Trong sắc phong vua Quang Trung ghi 13 đạo, sử nước ta cũng ghi năm Quang Thuận thứ 7 (1466) vua Lê Thánh Tông chia nước ta thành 13 đạo Thừa-tuyên.

^[7]Nhu viễn: Kinh Thư, Thuấn Điển "Nhu viễn năng nhĩ" ý nói mềm dẻo nơi xa, để yên nơi gần.

^[8]Hồ Bạch Thảo, *Cao Tông thực lục* quyển Thượng, phần dịch trang 58, nguyên văn chữ Nho trang 281.

^[9]*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 47, trang 45.

^[10]*Cao Tông thực lục*, sách đã dẫn, phần dịch trang 170, nguyên văn chữ Nho trang 335.

^[11]Thơ Ngự chế: Thơ do Vua sáng tác.

^[12]Phần lớn chúng ta đều biết bài thơ "Đề đền Sầm Nghi Đống" của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, nguyên văn như sau:

Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo,
Kìa đền Thái-thú đứng cheo leo.
Ví đây đổi phận làm trai được,
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu.

Có sách chú thích rằng đền này do Hoa kiều lập ra tại ngõ Sầm-Công, gần Hàng-Buồm, Hà-Nội.

Từ lâu tôi tự hỏi rằng tại sao Hoa kiều lại được phép xây đền thờ kẻ thù của dân ta? Nay qua đạo dụ của Càn Long mới vỡ lẽ ra rằng việc xây đền thờ các quan lại nhà Thanh bị giết tại thành Hà-Nội, là một trong những điều kiện để nối lại bang giao hai nước. Nhà Tây Sơn đã khéo léo bảo Hoa kiều chủ trì việc này, nên dân ta tưởng rằng xây đền là tín ngưỡng riêng của Hoa kiều, chứ không phải là một điều kiện bắt buộc. Giỏi thay nhà Tây Sơn! Ai dám bảo người xưa không biết làm chính trị!

^[13]Nguyễn Huệ lấy Ngọc Hân Công Chúa con vua Lê.

^[14]Hữu hưng, hữu phế: Một người được cất nhắc tức Nguyễn Huệ, một người bị phế tức Lê Chiêu Thống.

^[15]*Cao Tông thực lục*, sách đã dẫn, phần dịch trang 244, nguyên văn chữ Nho trang 381.